

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 27 -02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quang Vinh.

Bà Hoàng Thị Lá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phần - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo;

Lương Văn T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1987, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn A và bà Hoàng Thị L; vợ: Lục Thị H; 01 con, tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Tốt, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 11 năm 2017 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Lương Văn M, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Hoàng Văn B, luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: 1, Chị Lục Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2, Anh Phùng Văn Q, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3, Ông Lương Văn E, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4, Ông Phùng Văn N, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 30 tháng 10 năm 2017 bị cáo Lương Văn T đi bộ từ nhà vào nương trồng na của nhà ông Lương Văn M ở Lân F thuộc thôn N, xã Y, huyện C, trên đường đi qua nương nhà mình ngay sát nương nhà ông M, T lấy 01 con dao quắm rồi đến nương na nhà ông M. Đến nơi, quan sát thấy không có ai, T dùng tay phải cầm dao quắm chặt phá cây na, cây to T chặt nhiều phát, chưa đổ thì dùng chân đạp đổ, còn cây nhỏ thì T chặt đứt. Sau đó T đi về nhà, trên đường về T đã vứt con dao vào bụi cây tại Lân Z thuộc thôn N, xã Y, huyện C cách nơi chặt phá nương na khoảng 200m. Tổng số cây na T đã chặt phá là 39 cây, trong đó 15 cây có đường kính 01 đến 03 cm, 21 cây có đường kính 3,5 đến 05 cm, 3 cây có đường kính 5 đến 6,5cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chi Lăng ngày 06 tháng 11 năm 2017 kết luận: Tổng giá trị của 39 cây na là 6.612.000 đồng (sáu triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng chẵn).

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 Lương Văn T đã đến Công an huyện Chi Lăng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017 Công an huyện Chi Lăng đã thu giữ vật chứng vụ án là 01 con dao quắm dài 32cm, bản rộng nhất 04cm, chuôi dao dài 08cm, dao làm bằng kim loại màu đen đã han rỉ.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 Lương Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn) để đảm bảo việc bồi thường thiệt hại cho ông Lương Văn M.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-CL ngày 28 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố bị cáo Lương Văn T về tội “ Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên trình bày bản luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lương Văn T theo tội danh và điều luật như đã dẫn ở trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “ Hủy hoại tài sản”.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu và tiêu hủy 01 (một) con dao găm.

Về phần dân sự: Trả lại cho bị cáo 10.000.000 đồng.

Bị cáo Lương Văn T không có ý kiến tranh luận. Bị cáo thừa nhận việc xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lương Văn T tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lương Văn T phạm tội “ Hủy hoại tài sản”.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi hủy hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do mâu thuẫn cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, trên cơ sở đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo.

[4] Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho người bị hại, ngày 06 tháng 02 năm 2018 bị cáo và người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường giá trị 39 cây na với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật

hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội do bột phát, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 143 của Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản riêng, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xét thấy con dao quắm mà bị cáo dùng để chặt phá cây na là vật dụng đã han rỉ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về dân sự: Bị cáo, bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong số tiền 15.000.000 đồng. Do đó số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp để đảm bảo khắc phục hậu quả cho người bị hại, nay trả lại cho bị cáo.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 143; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, đ khoản 2 Điều 76; khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2018. Giao bị cáo Lương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lương Văn T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2. Vật chứng vụ án: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) con dao quắm có chiều dài 32cm, bản rộng nhất 04cm, chuôi dao dài 08cm, dao làm bằng kim loại màu đen đã han rỉ,

Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng

ngày 02 tháng 02 năm 2018 và giấy ủy nhiệm chi số 02 ngày 02 tháng 02 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Án phí: Bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Chi Lăng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Na